

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Lưu Quốc Đạt;
2. Ông Ngô Minh Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số 232, tổ 7, ấp 5, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: số 487/12, khu phố 1, phường Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1984 ( vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2013 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/10/2014.

Qua quá trình chung sống, Chị và anh T đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh M, sinh ngày 27/12/2015;

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng, anh T thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần và có mâu thuẫn do kinh tế gia đình. Chị đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh T. Khi ly hôn: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Không yêu cầu giải quyết tài sản và nợ chung.

\* Phần trình bày của bị đơn là anh Nguyễn Trung T: Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ từ phía anh T.

\* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng ra giải quyết do anh T không có yêu cầu. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn khởi kiện đối với anh T. Anh T có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H có đơn xin ly hôn với anh T. Chị H và anh T có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với anh T.

Nguyên nhân chị H xin ly hôn với anh T, là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng, anh T thường xuyên cờ bạc gây nợ nần và có mâu thuẫn do kinh tế gia đình. Chị H đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa và Chị H đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Đối với anh T, đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh T không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng chị H. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như anh đã từ bỏ tất cả các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét yêu cầu ly hôn của chị H.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án xem như anh đã từ bỏ quyền yêu cầu được nuôi con chung và không có yêu cầu nuôi con chung nên cần giao con chung cho chị H là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy anh T vắng mặt và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H, yêu cầu này của chị H là phù hợp thực tế và phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, Hội đồng xét xử nhất thấy, lời đề nghị này phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H. Chị H được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh M, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Chị đã nộp theo biên lai thu số 0003581 ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như chị H đã thực hiện xong.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chỉ H có quyền kháng cáo, riêng anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Ngô Vũ Hoài Phương**